

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
VĂN PHÒNG**

Số: 1092/VVP-KGVX  
V/v thực hiện các Nghị quyết của  
HĐND Thành phố khóa XVI kỳ  
họp thứ 2 liên quan đến lĩnh vực  
giáo dục và đào tạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12/tháng 10 năm 2021

**Kính gửi:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh  
và Xã hội, Thông tin và Truyền thông.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được các Nghị quyết của HĐND Thành phố khóa XVI kỳ họp thứ 2 liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo đề ngày 23/9/2021, cụ thể: (1) Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND quy định cơ chế hỗ trợ, đóng góp tiếp tục thực hiện Chương trình Sữa học đường góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội; (2) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2021 - 2022; (3) Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND quy định mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2021 - 2022; (4) Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội; (5) Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021 - 2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 (*bản chụp gửi kèm theo*).

Về việc này, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Chủ Xuân Dũng có ý kiến như sau:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố; đảm bảo đúng quy định pháp luật và Thành phố.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để các đơn vị biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Chủ Xuân Dũng;
- Ban Văn hóa Xã hội - HĐND Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.Thu Huyền;
- Các phòng: KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Phạm Thị Thu Huyền**

50299, 50300, 50298, 50274 3



Email: vanthu\_hdndtp@hanoi.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hà Nội  
Thời gian ký: 08.10.2021 11:31:02 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID - 19**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của UBND Thành phố về việc Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19; báo cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) trên địa bàn thành phố Hà Nội; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## Điều 2. Cơ chế hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ: Bằng 50% mức học phí hàng tháng của năm học 2021-2022 do HĐND Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học sau khi đã thực hiện chính sách giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và các văn bản quy định khác có liên quan, cụ thể:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (không bao gồm đối tượng đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định), mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
<b>1</b>	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	108.500	81.400
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	47.500	35.600
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	12.000	9.000

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
<b>2</b>	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	77.500	58.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	37.500	28.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	9.500	7.100

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
<b>1</b>	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	32.600	24.500
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	14.300	10.700
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	3.600	2.700
<b>2</b>	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	23.300	17.500
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	11.300	8.500
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	2.900	2.200

c) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
<b>1</b>	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	54.300	40.700
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	23.800	17.900
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	6.000	4.500
<b>2</b>	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	38.800	29.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	18.800	14.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	4.800	3.600

d) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố; riêng năm 2021, từ nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2021.

4. Phương thức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ cho các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

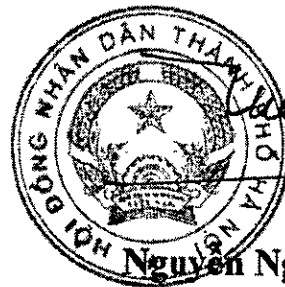
4. Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác theo quy định của Trung ương và Thành phố nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

50274

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội; báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Mức hỗ trợ:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô dưới 03 nhóm, lớp: Hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 03 nhóm, lớp trở lên: Hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Đối tượng hỗ trợ: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp.

4. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ năm học 2021-2022.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

**Điều 2. Phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ như sau:**

a) Kế hoạch, phương án hỗ trợ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tổ chức rà soát, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn đủ điều kiện là đối tượng áp dụng nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ; phê duyệt kế hoạch hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (trong đó, chi tiết danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách); đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Căn cứ kế hoạch hỗ trợ; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã bố trí dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định, đảm bảo hoàn thành cùng thời điểm giao dự toán ngân sách hằng năm.

Trên cơ sở quy định của chính sách và dự toán ngân sách bố trí thực hiện chính sách; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm

bảo đúng đối tượng, đúng quy định; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Trường hợp cơ sở giáo dục đã được hưởng chính sách hỗ trợ, khi chuyển đổi chủ cơ sở sẽ không được xem xét hỗ trợ lần hai.

Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các quy định về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ tới các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

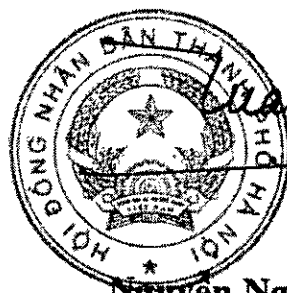
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2021. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐB của UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GDĐT, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**



Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND  
Email: vanthu\_hdnntp@hanoi.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hà Nội  
Thời gian ký: 08.10.2021 16:10:26 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

50298

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục  
công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2021-2022**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND Thành phố về việc quy định mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2021-2022; báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2021-2022.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Trẻ em học mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

**Điều 2. Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2021-2022**

*Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng*

STT	Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao	Mức trần học phí
1	Trường Mầm non	5.100.000
2	Trường Tiểu học	5.500.000
3	Trường Trung học cơ sở	5.300.000
4	Trường Trung học phổ thông	5.700.000

Trên cơ sở mức trần học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, cùng với cam kết thực hiện chất lượng giáo dục cao theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và kết quả kiểm định để quyết định mức thu học phí cụ thể sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện****1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức trần học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

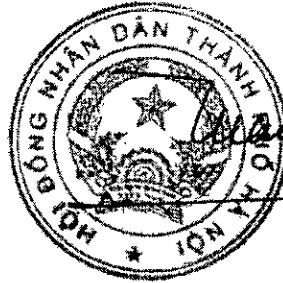
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2021. /.

**CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND TP; UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Ngọc Tuấn**



Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND  
Email: vanthu\_hdndtp@hanoi.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hà Nội  
Thời gian ký: 08.10.2021 16:04:03 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

50306

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non,  
giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội  
năm học 2021-2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022; báo cáo thẩm tra số 41/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2021-2022.

**2. Đối tượng áp dụng**

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông**

1. Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

a) Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục tiểu học công lập).

*Đơn vị: đồng/tháng/học sinh*

Cấp học	Mức thu học phí năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000

b) Quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

*Đơn vị: đồng/tháng/học sinh*

Cấp học	Mức học phí năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Tiểu học	155.000	75.000	19.000

Việc quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ thực hiện 02 chính sách: (1) hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan; (2) miễn giảm học phí đối với học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao.

### 2. Quy định mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online)

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành (gồm cả cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên). Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức thu học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

### 3. Quy định thời gian thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế); trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.



### **Điều 3: Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí năm học 2021-2022 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu và tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định của các trường; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2021-2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**



Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và  
HĐND  
Email: vanthu\_hdnntp@hanoi.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hà Nội  
Thời gian ký: 08.10.2021 16:07:10 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

502 99

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế hỗ trợ, đóng góp tiếp tục thực hiện Chương trình Sữa học đường góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Thực hiện Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;*

*Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;*

*Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025";*

*Thực hiện Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế về việc Quy định yêu cầu đối với sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường;*

*Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách thực hiện Đề án Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội cho đến khi Đề án tổng thể về sức khỏe học đường cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Chính phủ phê duyệt; báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Ban hành quy định cơ chế hỗ trợ, đóng góp tiếp tục thực hiện Chương trình Sữa học đường góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ, đóng góp tiếp tục thực hiện Chương trình Sữa học đường góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội cho đến khi Đề án tổng thể về sức khỏe học đường cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Chính phủ phê duyệt.

### 2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội và phụ huynh của các đối tượng này; doanh nghiệp cung cấp sữa và các tổ chức, cá nhân liên quan.

### 3. Thời gian, định mức thụ hưởng

Thời gian thụ hưởng: Từ năm học 2021 - 2022 cho đến khi Đề án tổng thể về sức khỏe học đường cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Chính phủ phê duyệt.

Định mức thụ hưởng: Trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học được uống sữa tươi 05 lần/tuần của 9 tháng đi học theo khung kế hoạch thời gian năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mỗi ngày uống một lần), mỗi lần 1 hộp 180ml.

### 4. Cơ chế hỗ trợ, đóng góp

#### a) Mức hỗ trợ, đóng góp

Ngân sách hỗ trợ 30%, doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 20%, phụ huynh học sinh đóng góp 50%.

Riêng đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo (*theo quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND Thành phố ban hành*), học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh thuộc diện chính sách theo quy định của Nhà nước<sup>1</sup>: Ngân sách hỗ trợ 50%; doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 50%.

b) Thời gian hỗ trợ: Thực hiện như thời gian thụ hưởng.

c) Nguồn kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ từ ngân sách:

Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí hỗ trợ.

Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học học tại các cơ sở giáo dục còn lại trên địa bàn Thành phố: Kinh phí thực hiện do ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

Riêng năm 2021:

Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí hỗ trợ.

Đối với 12 quận (*Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Xuân, Nam Từ Liêm*): Ngân sách quận đảm bảo kinh phí

Đối với 18 huyện, thị xã (*Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Sơn Tây, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa*): ngân sách Thành phố bổ sung kinh phí để thực hiện hỗ trợ (nguồn điều hành tập trung tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

<sup>1</sup> Thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (có hiệu lực từ 01/7/2021); trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (có hiệu lực từ 01/7/2021); trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ); trẻ em mẫu giáo khuyết tật và học sinh khuyết tật theo Điều 85 Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về Giáo dục. Trong quá trình thực hiện khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hay thay thế các văn bản trích yếu thì sẽ được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

### 1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết đến các tầng lớp nhân dân, phụ huynh học sinh và học sinh trên địa bàn, đồng thuận và tự nguyện tham gia Chương trình sửa học đường; phân công rõ trách nhiệm đối với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan để việc tiếp tục triển khai Chương trình sửa học đường trên địa bàn Thành phố đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng quy định và mang lại hiệu quả cao.

b) Rà soát, đề nghị Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung các quy định theo thẩm quyền khi Trung ương ban hành cơ chế chính sách mới liên quan.

c) Chỉ đạo việc tổ chức lựa chọn các đơn vị cung ứng sửa đúng quy định của pháp luật. Chất lượng sửa các doanh nghiệp cung cấp phải đảm bảo theo quy định của Bộ Y tế.

d) Công khai cơ chế hỗ trợ, đóng góp; tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý chặt chẽ các nguồn lực thực hiện Chương trình Sửa học đường.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2021. /.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Tổng tác đại biểu thuộc UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Y tế, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**